

PHÓ ĐỨC HOÀ

MODULE TH

24

**ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HỌC TẬP
Ở TIỂU HỌC**



A. GIỚI THIỆU/TỔNG QUAN

Vấn đề đánh giá tri thức được xem như là một phần không thể thiếu trong quá trình dạy học. Đánh giá giúp cho nhà sư phạm thu được những tín hiệu ngược từ phía người học, nắm được thực trạng kết quả học tập, phát hiện ra nguyên nhân của thực trạng này, từ đó có phương pháp điều chỉnh hoạt động học và hoạt động dạy cho phù hợp. Bên cạnh đó, đánh giá còn giúp cho nhà trường công khai hoá kết quả dạy học nói chung và kết quả học tập nói riêng với gia đình và toàn xã hội.

Việc đánh giá tri thức được tiến hành một cách công bằng và khách quan sẽ đem lại những tác động tích cực cho mọi nền giáo dục. Thông qua việc kiểm tra, đánh giá, người học có cơ hội củng cố những kiến thức đã học, hoàn thiện các kĩ năng, kĩ xảo và phát triển năng lực của bản thân, đồng thời có căn cứ, cơ sở để tự điều chỉnh phương pháp học tập của mình. Không những thế, thực hiện tốt việc kiểm tra, đánh giá sẽ tạo ra động lực học tập cho người học, củng cố lòng kiên định, niềm tin vào năng lực của bản thân, đồng thời hình thành cho người học năng lực tự đánh giá – một trong những năng lực rất cần thiết của người công dân hiện đại.

Như vậy, để thực hiện yêu cầu nắm vững tri thức môn học, đòi hỏi người dạy và người học phải biết đánh giá và tự đánh giá. Đánh giá và tự đánh giá giúp cho giáo viên điều khiển và điều chỉnh hoạt động dạy học; còn học sinh tự điều khiển, điều chỉnh hoạt động học của bản thân. Qua đó đạt được mục tiêu dạy học để ra đồng thời từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

Module 24 này bàn về vấn đề đánh giá kết quả học tập ở cấp Tiểu học.



B. MỤC TIÊU

- Hiểu được chức năng cơ bản và các nguyên tắc đánh giá kết quả học tập.
- Hiểu và trình bày được bốn loại đánh giá ở tiểu học.
- Xác lập được nội dung đánh giá.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

KHÁI NIỆM TỔNG QUAN VỀ ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC

Hoạt động 1: Tiếp cận vấn đề kiểm tra, đánh giá dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại

1. Thông tin

1.1. Lí thuyết hệ thống

- Quá trình dạy học mang tính hệ thống. Quá trình dạy học bao gồm hai hoạt động: Một là, hoạt động dạy của giáo viên, đóng vai trò truyền thụ tri thức, kĩ năng, kĩ xảo và là hoạt động sáng tạo cho học sinh; hai là, hoạt động học của học sinh, đóng vai trò lĩnh hội tri thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo, tiếp thu hoạt động sáng tạo của giáo viên. Hai hoạt động này diễn ra đồng thời và song song.
- Quá trình dạy học mang tính thống nhất, biện chứng, có tính nhất thể, trọn vẹn, bao gồm các thành phần như: mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức, kết quả...
Nhu vậy, việc thực hiện các mối liên hệ ngược trong dạy học được đảm bảo nhờ quá trình kiểm tra, đánh giá tri thức học sinh.

1.2. Lí thuyết điều khiển (Cybernetics)

- Trong quá trình dạy học, tồn tại quá trình thông tin và lĩnh hội thông tin, quá trình điều khiển và tự điều khiển.
- Lí thuyết điều khiển thể hiện mối liên hệ xuôi:
 $M \rightarrow N \rightarrow P$.
(Trong đó M: mục đích, N: nội dung, P: phương pháp)
- Mối liên hệ này được thực hiện thông qua sơ đồ:
 $D \rightarrow H \rightarrow K$.
(Trong đó D: hoạt động dạy; H: hoạt động học; K: kết quả học tập)
- Kết quả K được liên hệ ngược, nhằm đối chiếu, so sánh với mục đích M của quá trình dạy học.

- Đường liên hệ ngược sẽ giúp người dạy nắm được trình độ thực của người học để đặt kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy; còn bản thân người học tự điều chỉnh hoạt động học của bản thân (lí thuyết tự điều khiển) và từ đó mở ra một quá trình dạy học tiếp theo.

2. Nhiệm vụ

Thảo luận nhóm về vấn đề kiểm tra, đánh giá dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại.

3. Đánh giá hoạt động 1

Bài tập: Vị trí và vai trò của kiểm tra, đánh giá dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại.

4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 1

Đáp án: Vị trí và vai trò của kiểm tra, đánh giá dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại:

- * Theo lí thuyết hệ thống, quá trình dạy học bao gồm các thành tố sau: mục đích dạy học (M); nội dung dạy học (N); phương pháp dạy học (P); hình thức tổ chức dạy học (HT); hoạt động dạy của thầy (D); hoạt động học của trò (H)...
- Các hoạt động của các thành tố diễn ra theo một số cơ chế nhất định: cơ chế truyền thông tin từ người dạy (hoạt động dạy) đến người học (hoạt động học) thông qua các mục đích, nội dung, phương pháp... và cơ chế liên hệ ngược:

$$\begin{array}{l} K \quad \rightarrow \quad M, N, P \\ \quad \quad \rightarrow \quad D \\ \quad \quad \rightarrow \quad H \end{array}$$

Trong đó K là kết quả học tập của người học.
- Như vậy, việc thực hiện các mối liên hệ ngược trong dạy học được đảm bảo bằng quá trình kiểm tra, đánh giá tri thức học sinh.
- Việc nghiên cứu quá trình dạy học là vừa phải nhìn thấy tính chất tổng thể, lại vừa đi sâu phân tích từng thành tố từ cơ chế hoạt động của nó trong mối quan hệ tác động với toàn bộ hệ thống, nhằm đạt được mục đích đề ra.
- Do đó, việc xem xét quá trình dạy học không thể tách rời với việc nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (cả dạy học và giáo dục) của học

sinh. Đồng thời việc nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá cũng không thể tách rời khỏi mối quan hệ đồng bộ với quá trình dạy học nói chung.

- Nhà lí luận dạy học người Pháp Rebecca M. Valette cho rằng “*Đánh giá là một môn khoa học tự nó hình thành*”. Vấn đề này ngày càng có sức mạnh thuyết phục cả về lí luận và thực tiễn. Đánh giá chứa đựng hai vấn đề: cơ sở khoa học về sự kiểm tra và sự hình thành những hiểu biết mới (Exament et dochnologic).
- * Theo lí thuyết điều khiển (Cybernetics), trong quá trình dạy học tồn tại quá trình truyền thông tin và quá trình lĩnh hội thông tin – quá trình điều khiển và quá trình tự điều khiển. Đó là các mối liên hệ: $M \rightarrow N \rightarrow P$. Mối liên hệ này được thực hiện thông qua hoạt động: $D \rightarrow H \rightarrow K$.
- Đây là khâu kiểm tra, đánh giá tư duy trong quá trình dạy học. Đường liên hệ ngược này sẽ giúp nhà sư phạm nắm được trình độ thực của người học để đạt kế hoạch điều chỉnh quá trình dạy học và từ đó mở ra chu trình dạy học tiếp theo.
- Kiểm tra, đánh giá có tác dụng làm đơn giản hoá các chuỗi kiến thức và các nhận thức phức tạp để nắm bắt điều cốt lõi của chương trình môn học. Chính vì vậy, kiểm tra, đánh giá cũng là một hệ thống điều khiển.
- Thông qua kết quả của kiểm tra, đánh giá sẽ đo được độ lớn của các tác động từ môi trường vào hệ thống cũng như hình thành một cơ chế điều chỉnh hướng đích trong quá trình đào tạo.
- * Kiểm tra, đánh giá chính xác sẽ có tác dụng giúp nhà sư phạm dự đoán kết quả xảy ra, làm liên kết các trạng thái, xác định được các yếu tố ảnh hưởng đi vào bề sâu của hệ thống, định rõ các hoạt động của hệ thống và cuối cùng là xác định cường độ khi tổng hợp hệ thống.

Ngược lại, nếu kiểm tra, đánh giá không phản ánh được sự chân thực sẽ làm cho hệ thống có điều khiển mất đi tính điều khiển của mình, nghĩa là làm tăng tính đột biến, sự thay đổi (entropy) của hệ thống (Richard I. Miller, 1979).

Như vậy, kiểm tra, đánh giá là một bộ phận, một phần không thể thiếu trong quá trình dạy học. Nó là một khâu không thể tách rời của quá trình dạy học. Ở đây, kiểm tra được coi là *phương tiện* để đánh giá kết quả giáo dục của học sinh.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về đo lường trong giáo dục

1. Thông tin

1.1. Đo lường trong giáo dục

- Dùng phương tiện để thu thập tài liệu về đặc tính, hành vi của con người một cách có hệ thống.
- Phân tích dữ liệu làm cơ sở cho những hành động thích hợp.
- Đo lường dựa trên thang đo nhất định.

1.2. Phép đo lường

- Đo lường trong giáo dục liên quan đến con người với tư cách là chủ thể của hoạt động giáo dục, với mối quan hệ đa chiều.
Như vậy, con người vừa là chủ thể đánh giá, vừa là đối tượng của sự đánh giá.
- Đo lường bao gồm định tính và định hướng. Về định tính, nó thể hiện ở lời nhận xét, sự mô tả; còn về định lượng, nó thể hiện ở các con số, các bảng xếp loại, số liệu...

2. Nhiệm vụ

Cá nhân nghiên cứu tài liệu và các sách tham khảo về các vấn đề đo lường, đánh giá.

3. Đánh giá hoạt động 2

Bài tập 1: Khái niệm đo lường là gì?

Bài tập 2: Phân tích phép đo trong việc đánh giá và thang điểm để đánh giá.

4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 2

Bài tập 1: Khái niệm về đo lường:

- Đo lường là khái niệm chung để chỉ sự so sánh một vật hay một hiện tượng với thước đo hoặc chuẩn mực và có khả năng trình bày kết quả về mặt định lượng.
- Đo lường trong giáo dục liên quan đến con người. Trong giáo dục có thể đo lường mức độ đạt tới các mục tiêu giáo dục. Do đó, các mục tiêu cần được lượng hoá để có thể đo lường.
- Đo lường trong giáo dục là dùng phương tiện để thu thập dữ liệu về đặc tính, hành vi của con người một cách có hệ thống, sau đó phân tích các dữ liệu làm cơ sở cho những hành động thích hợp.

- Đo lường cần dựa trên một thang đo nhất định. Sự phân bố trên thang đo lường trong giáo dục có ý nghĩa như sự phân bố của thang chia theo thứ tự bậc và chia theo khoảng cách.

Bài tập 2: Phép đo và thang đánh giá:

a) Phép đo trong đánh giá

- Đo đạc là phản ánh cho đối tượng cần đo một con số theo một quy định logic chấp nhận được.
- Những yêu cầu khi đo đạc:
 - + Những vấn đề cần đo được xác định rõ ràng, hoặc là phải quan sát được rõ.
 - + Những con số ở thang đo phù hợp với các mức độ của vấn đề.

Có thể nêu ra đây một vài ví dụ:

Khi học sinh làm bài, phạm lỗi chính tả, giáo viên đánh giá bài làm qua số lỗi chính tả của các em. Mỗi con số nói lên mức độ của bài làm. Học sinh làm sai 2 lỗi khác với học sinh không sai lỗi nào. Song có những bài phải cho điểm mới chính xác.

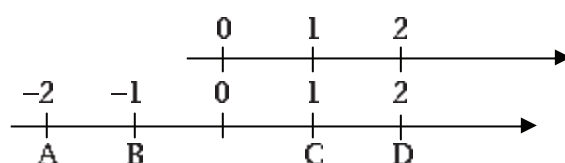
Học sinh giải quyết bài tập toán, giáo viên đánh giá học lực của các em theo thứ bậc, làm đến đâu tính điểm đến đó...

Tuy nhiên, cuối cùng phải quy chuẩn ra, xếp loại người học theo bậc: giỏi, khá, trung bình, yếu (theo Thông tư số 43/2002/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Trong chương trình hiện hành ở cấp Tiểu học (thực hiện từ năm 2000), các môn học Toán, Tiếng Việt (lớp 1, 2, 3) và Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Địa lí và Lịch sử (lớp 4 và 5) vẫn đánh giá bằng điểm số và xếp loại người học theo thứ bậc trên. Các môn học còn lại được đánh giá không bằng điểm mà theo quy chuẩn sau: A* (có năng khiếu), A (hoàn thành) và B (chưa hoàn thành).

b) Thang đánh giá

- Thang đánh giá là một công cụ cho phép định hướng vào những yếu tố quan sát và đánh giá về những yếu tố đã được quan sát.
- Thang đánh giá có thể chỉ ra dưới dạng một graph (sơ đồ – đồ thị): dãy số (từ 0 đến 10); hoặc câu nhận xét (tốt, khá, sáng tạo, hoàn thành, chưa hoàn thành...); hoặc thang dưới dạng chữ cái: A, B, C, D; thậm chí dưới dạng đại số:



Hoạt động 3: Phân tích khái niệm đánh giá trong giáo dục ở tiểu học

1. Thông tin

1.1. Đánh giá

1.1.1. Khái niệm tổng quan về đánh giá (Assessment)

a) Theo quan điểm triết học

- Đánh giá là thái độ đối với hiện tượng xã hội, hoạt động hành vi của con người.
- Đánh giá nhằm xác định các giá trị của chúng tương xứng với những nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nhất định.
- Đánh giá mang tính động cơ, phương tiện và mục đích hành động.

b) Quan điểm khác

- Đánh giá là biểu thị thái độ, đòi hỏi sự phù hợp, theo một chuẩn nhất định.
- Trên cơ sở đó, người đánh giá cho một thông tin tổng hợp, đôi khi là một con số đối với người được đánh giá.

1.1.2. Đánh giá và cho điểm

- Đánh giá (Assessment) và cho điểm (mark) là hai khái niệm không đồng nhất với nhau. Khái niệm đánh giá có nội dung rộng hơn khái niệm cho điểm.
- Đánh giá biểu hiện dưới hình thức thái độ, cảm xúc, nhận xét và cho điểm.

1.2. Thang đánh giá

1.2.1. Phép đo trong đánh giá

Đo đạc là phản ánh cho đối tượng cần đo một con số theo một quy luật logic chấp nhận được.

Phép đo trong đánh giá trong giáo dục tuân theo các yêu cầu sau:

- Những vấn đề cần đo được xác định rõ ràng, hoặc phải quan sát được rõ.
- Những con số ở thang đo phù hợp với mức độ của vấn đề.

1.2.2. Thang đánh giá

- Thang đánh giá là một công cụ cho phép định hướng vào những yếu tố quan sát và đánh giá về những yếu tố đã được quan sát.
- Thang đánh giá có thể đưa ra dưới dạng một graph (sơ đồ – đồ thị). Thang này có thể bằng một dãy số; hoặc dưới dạng câu nhận xét; hoặc chữ cái (A, B, C, D); thậm chí dưới dạng đại số (-3, -2, -1, +1, +2...).

2. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1:

- Nhóm (1): Phân tích khái niệm đo lường.
- Nhóm (2): Phân tích khái niệm đánh giá.
- Nhóm (3): Thảo luận về phép đo trong đánh giá.
- Nhóm (4): Thảo luận về thang đánh giá.
- Cả 4 nhóm phân biệt các khái niệm trên và trình bày: thông tin – phản hồi (nhóm trình bày và nhóm phản hồi).

Nhiệm vụ 2:

Thuyết trình cá nhân về các vấn đề của hoạt động 1 theo yêu cầu của người dạy.

3. Đánh giá hoạt động 3

Bài tập 1: Khái niệm đánh giá là gì?

Bài tập 2: Phân biệt các khái niệm đánh giá và cho điểm.

Bài tập 3: Trình bày những thuận lợi và khó khăn trong việc đặt ra thang điểm để đánh giá.

Bài tập 4: Anh/chị hiểu thế nào về vấn đề đánh giá trong giáo dục? (Đánh dấu x vào câu lựa chọn đúng nhất)

- a) Là cho điểm số vào sản phẩm bài làm của người học.
- b) Là nhận xét sản phẩm bài làm của người học.
- c) Là chỉ cho điểm tốt (điểm trên trung bình) với sản phẩm bài làm tốt của người học.
- d) Là không cho điểm mà chỉ nhận xét với sản phẩm bài làm của người học.
- e) Là tất cả các quan điểm trên.

Bài tập 5: Hãy nối các từ (cụm từ) ở cột A với các từ (cụm từ) ở cột B sao cho phù hợp với nội dung của các vấn đề đánh giá trong giáo dục.

A	B
1) Đánh giá được hiểu là	a) dùng phương tiện để thu thập dữ liệu về đặc tính, hành vi của con người một cách có hệ thống.
2) Phép đo được hiểu là	b) biểu thị thái độ, đòi hỏi sự phù hợp theo một chuẩn nhất định.
3) Đo lường được hiểu là	c) phản ánh cho đối tượng cần đo một con số theo một quy luật chấp nhận được.
4) Thang đánh giá là	d) một công cụ cho phép định hướng vào những yếu tố quan sát và đánh giá về những yếu tố đã được quan sát.

4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 3

Bài tập 1: Khái niệm tổng quan về đánh giá:

- * Theo quan điểm triết học, đánh giá là một thái độ đối với những hiện tượng xã hội, hoạt động hành vi của con người; xác định những giá trị của chúng tương xứng với các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nhất định, được xác định bằng vị trí xã hội, thế giới quan, trình độ văn hoá (*Từ điển Bách khoa toàn thư Liên Xô, M., 1986*).
- Đánh giá được chấp nhận “là sự việc có giá trị” với ý nghĩa cuối cùng dẫn đến sự cải tiến hoạt động của cá nhân và tập thể (*Richard I. Miller, Việc đánh giá trong nhà trường, San Francisco, 1979*).
- Thuật ngữ đánh giá bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau: ở chỗ này đánh giá được hiểu với nội dung là dự đoán, ở chỗ khác dùng với nghĩa xác định khối lượng tri thức thu được từ người học hoặc đôi khi đồng nghĩa với điểm số và lời nhận xét của nhà sư phạm.
- Đánh giá xác nhận trình độ xem như “cấp giấy phép rời bến cho người có đủ điều kiện để tiếp tục hành trình”.
- * Có thể nói: “Đánh giá là biểu thị một thái độ, đòi hỏi một sự phù hợp, theo một chuẩn nhất định. Nhờ đó mà người đánh giá cho một thông tin tổng hợp, đôi khi là một con số đối với người được đánh giá” (*Viallet. F et Maisomnerve. P, 1981*).

- Khái niệm đánh giá nhấn mạnh đến thái độ khách quan của người đánh giá.
- Người đánh giá là thầy cô giáo, nhà sư phạm nên họ có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn và quyền hạn để đánh giá sản phẩm của người đánh giá.
- Thái độ của người đánh giá thể hiện phải phù hợp với chuẩn đánh giá đã quy định và chuẩn đánh giá phải khách quan và có ý nghĩa.
- * *Tóm lại*, có thể nói: Đánh giá là khẳng định giá trị chân thực của đối tượng được đánh giá như nó vốn có theo những chuẩn khách quan có ý nghĩa đối với con người và được xã hội thừa nhận.

Bài tập 2: Phân biệt các khái niệm đánh giá và cho điểm:

- * Thuật ngữ *đánh giá* (Assessment) nhiều khi được đồng nhất với thuật ngữ *cho điểm* (mark). Như vậy là không đúng. Đánh giá và cho điểm là hai khái niệm không đồng nhất với nhau.
- Khái niệm đánh giá rộng hơn khái niệm cho điểm. Đánh giá biểu hiện dưới hình thức, thái độ, cảm xúc, nhận xét và cho điểm.
- Thuật ngữ *Evaluation* được hiểu theo nghĩa rộng, khái quát hơn so với thuật ngữ *Assessment* về đánh giá. Kiểm tra, đánh giá sản phẩm bài làm của học sinh, được sử dụng với thuật ngữ *Assessment*.
- * *Đánh giá với tư cách là thái độ*, cảm xúc của người dạy đối với bài làm của học sinh có thể được diễn đạt trong lời nói, điệu bộ, nét mặt, tỏ ý đồng tình, tán thành, khen ngợi, chê trách.

Đánh giá tốt là một phương tiện củng cố niềm tin của người học vào sức mình và khả năng của mình. Đánh giá xấu là một phương tiện để bài trừ những sai lầm trong học tập của các em. Thái độ đánh giá có ý nghĩa to lớn đối với sự hình thành ở người học thái độ tự đánh giá như một yếu tố nhất định của ý thức về bản thân.

- * *Đánh giá* cũng có thể là thước đo kết quả bài làm bằng điểm số; khi đó, sự đánh giá biểu hiện dưới hình thức cho điểm. Hệ thống điểm số này phản ánh trình độ học tập nói chung của học sinh.

Bài tập 3: Thuận lợi và khó khăn trong việc đặt ra thang điểm đánh giá:

- * Việc đặt ra thang điểm để đánh giá có *một số thuận lợi* cho người dạy và các nhà sư phạm:

- Thuận tiện trong đánh giá.
- Nhanh chóng cho điểm số những dấu hiệu được quan sát.
- Giúp cho người dạy biết được trình độ người học.
- * *Một số khó khăn:*
 - Người dạy ở một mức độ nào đó chịu ảnh hưởng do nhiều (một cảm giác nào đó, do chủ thể nào đó gây ra), dẫn đến việc cho điểm không khách quan.
 - Người dạy đánh giá dấu hiệu khác nhau của một bài làm theo cùng một xu hướng đã lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen. (Ví dụ: Một học sinh giỏi khi giải quyết bài tập, bài có 3 yêu cầu nhưng lần này, em chỉ làm được 1 yêu cầu hoặc hơn 1 yêu cầu một chút song giáo viên vẫn cho đạt theo thói quen, hoặc ngược lại...
- * *Trên thế giới, hệ thống đánh giá bằng điểm số trong nhà trường rất khác nhau: hệ thống 100 điểm, 20 điểm, 10 điểm, 5 điểm, hệ thống tổng hợp các điểm.*
 - Tại Cộng hoà Pháp, thi cuối cấp, thi tốt nghiệp, các kết quả được xác định theo hệ thống 20. Thêm vào đó, mỗi niên học lại có một hệ số xác định trọng lượng và ý nghĩa của mỗi môn học đối với một ban nào đó của nhà trường. Như vậy, các điểm về môn học chuyên ban (xây dựng theo lí thuyết phòng học – bộ môn) có giá trị lớn.
 - Thang điểm mới của Nga gồm 5 bậc (trong đó điểm 5 là cao nhất), trong thực tế, chỉ đánh giá 4 bậc: điểm 2, 3, 4, 5. Điểm 1 hầu như không xuất hiện. Ở Đức, điểm 1 lại là cao nhất. Trong khi đó, người Mỹ đôi khi sử dụng hệ thống 600 điểm (TOEFL).

Bài tập 4: Đáp án e).

Bài tập 5: Đáp án:

- | | | |
|------------|---------|-------------|
| 1) (cột A) | nối với | b) (cột B). |
| 2) | nối với | c). |
| 3) | nối với | a). |
| 4) | nối với | d). |

Nội dung 2

CÁC NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ TRI THỨC HỌC SINH TIỂU HỌC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các nguyên tắc đánh giá tri thức học sinh tiểu học

1. Thông tin

1.1. Khái niệm tổng quan về nguyên tắc đánh giá

- Thuật ngữ *nguyên tắc* (Principle) (từ tiếng La Tinh: Principium, có nghĩa là chỉ ngọn nguồn cơ sở) được dùng chỉ cơ sở xuất phát, dựa vào đó làm kim chỉ nam trong những hoạt động khác nhau.
- Các nguyên tắc đánh giá (Principle of assessment) là các luận điểm cơ bản mà khi tiến hành đánh giá sản phẩm của người học thì nhà sư phạm cần dựa vào.
- Như vậy, các yếu tố đánh giá là cơ sở xuyên suốt quá trình đánh giá kết quả giáo dục của học sinh.
- Đánh giá bao gồm 3 nguyên tắc chủ yếu:
 - + Đảm bảo tính khách quan (objective).
 - + Đảm bảo tính phân hoá (differential).
 - + Đảm bảo tính rõ ràng (plain).

1.2. Tính khách quan của việc đánh giá

- Đánh giá phải phản ánh trình độ thật của việc nắm tri thức môn học.
- Phải phản ánh đúng tình hình người học; nắm các tri thức một cách có ý thức và vững chắc.
- Phải đánh giá chính xác khả năng truyền đạt lại các đơn vị tri thức trong ngôn ngữ nói một cách độc lập và nhất quán.
- Đánh giá cho điểm phải khách quan vì thái độ tự do chủ nghĩa, rộng rãi, nâng điểm hay ra những câu hỏi dễ quá hoặc khó quá đều có hại.

1.3. Tính phân hoá của việc đánh giá

- Những mặt khác nhau trong kết quả học tập của học sinh phải được đánh giá theo các cách khác nhau.
- Đánh giá phải đảm bảo tính toàn diện và phát triển. Đồng thời phải chú ý đến các đặc điểm riêng của các môn học (6 đến 9 môn học ở tiểu học).

- Tính phân hoá cao của đánh giá thể hiện nhà sư phạm phải quan sát có hệ thống việc học tập của học sinh; từ đó đánh giá, cho điểm công bằng và chính xác.

1.4. Tính rõ ràng của việc đánh giá

- Người học phải biết tại sao mình được đánh giá như vậy. Có như thế, cho điểm mới trở thành phương tiện kích thích học sinh học tập tốt.
- Người học phải hiểu rõ ràng cô nắm vững tri thức và phát huy được tính sáng tạo khi làm bài (tính mềm dẻo của tư duy) thì sản phẩm (bài làm) mới được đánh giá tốt.
- Đánh giá vừa cho một “điểm số”, vừa có “ý kiến đánh giá” (lời nhận xét, lời phê, sửa chữa chi tiết những lỗi lầm của bài làm...).

2. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Người học nghiên cứu tài liệu và sách tham khảo có liên quan.

Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm về 3 nguyên tắc đánh giá:

- Tính khách quan.
- Tính phân hoá.
- Tính rõ ràng.

Nhiệm vụ 3: Các nhóm trình bày và thông tin phản hồi theo yêu cầu sau (Lớp chia làm 3 nhóm):

Nhóm trình bày	Nhóm phản hồi
Nhóm 1: nguyên tắc 1	Nhóm 2
Nhóm 2: nguyên tắc 2	Nhóm 3
Nhóm 3: nguyên tắc 3	Nhóm 1

3. Đánh giá hoạt động 1

Bài tập 1: Trình bày và phân tích tính khách quan của việc đánh giá. Cho ví dụ minh họa trong dạy học tiểu học.

Bài tập 2: Thế nào là đánh giá mang tính phân hoá? Cho ví dụ minh họa.

Bài tập 3: Tính rõ ràng của việc đánh giá là gì? Cho ví dụ minh họa.

Bài tập 4: Theo anh/chị, trong các nguyên tắc đánh giá tri thức học sinh, nguyên tắc nào đóng vai trò quan trọng nhất (đánh dấu x vào câu lựa chọn phù hợp).

- a) Nguyên tắc đảm bảo tính phân hoá.
- b) Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan.
- c) Nguyên tắc đảm bảo tính rõ ràng.
- d) Tất cả các nguyên tắc trên.

4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 1

Bài tập 1:

a) Tính khách quan của việc đánh giá

- Đánh giá sản phẩm bài làm của người học như nó vốn có, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của người đánh giá.
- Đánh giá phải phản ánh trình độ thật của việc nắm kiến thức môn học, tức là phản ánh tình hình người học nắm các đơn vị tri thức một cách có ý thức. Các em biết truyền đạt lại kiến thức đó trong ngôn ngữ nói một cách độc lập và nhất quán, hình thức truyền đạt phù hợp với nội dung cần truyền đạt.
- Giáo viên sẽ mắc sai lầm nếu tỏ ra thương hại học sinh mà đánh giá cho điểm (hoặc nhận xét) các em quá rộng rãi. Làm như vậy sẽ khiến bản thân các em và tập thể lầm tưởng về tình hình thực tế. Nhưng cũng không nên đánh giá cho điểm quá khắt khe. Người dạy cần kết hợp sự đòi hỏi cao với thái độ quan tâm chăm lo đến mỗi người học.
- Đánh giá phải khách quan vì thái độ tự do chủ nghĩa, rộng rãi, nâng điểm hay hạ những câu hỏi dễ quá hay khó quá đều có hại.

b) Phân tích ví dụ trong thực tế

- Việc đánh giá công tác của nhà trường tiểu học và của giáo viên căn cứ vào tỉ lệ học sinh giỏi (hoặc xếp loại A và A⁺) là một cách nghĩ nguy hiểm. Nó sẽ là nguồn gốc nảy sinh ở người dạy thái độ dễ dãi trong việc đánh giá người học.
- Cần đánh giá công tác của người dạy (và đánh giá công tác của nhà trường) không theo tỉ lệ học sinh lên lớp hoặc tỉ lệ học sinh giỏi (hay bậc A, A⁺) mà theo tình hình chung của công tác dạy học và giáo dục.

- Tính không khách quan của người dạy khi đánh giá sẽ gây cho người học thái độ không đúng đắn đối với các em nhận được cảm tình của thầy cô giáo (những “con cưng”) và làm cho họ đồng tình, thông cảm đặc biệt với “các nạn nhân”; và từ đó, học sinh sẽ chống lại người dạy. Trong con mắt các em, người GV hoàn toàn mất tín nhiệm.
- Tình huống trong thực tế dạy học tiểu học xảy ra: Một sản phẩm bài làm của học sinh A được ba thầy cô giáo cho ba mức điểm khác nhau: 7 điểm – 8 điểm – 9 điểm. Vậy điểm nào là điểm khách quan?
 - + Ý kiến 1: Điểm 8 là khách quan vì đây là điểm trung bình cộng của 3 điểm trên.
 - + Ý kiến 2: Có thể 1 trong 3 điểm trên là khách quan nhưng không biết đó là điểm nào.
 - + Ý kiến 3: Không xác định được câu trả lời.
Không điểm nào là khách quan, bởi vì không có các căn cứ (chuẩn đánh giá) để xác định.
Tuy nhiên, vẫn là sản phẩm bài làm của em học sinh A đó nhưng lại được 3 thầy cô giáo khác nhau cùng cho một điểm số thống nhất (điểm 7 chẳng hạn) thì đó là điểm khách quan (đây là điểm số không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của người đánh giá).

Bài tập 2:

a) Tính phân hoá của việc đánh giá

- Nội dung các môn học khác nhau ở cấp Tiểu học phải được đánh giá theo các cách khác nhau. Tính phân hoá thể hiện rõ các nội dung, đặc trưng khác nhau của môn học phải được đánh giá theo các chuẩn cụ thể của từng môn học (hệ thống tiêu chuẩn dưới góc độ lí luận dạy học bộ môn – chuẩn vi mô).
- Tính phân hoá của việc đánh giá có mối quan hệ với tính toàn diện và phát triển. Người dạy cần cần nhắc kĩ khi đánh giá sản phẩm bài làm của người học trên phương diện tập thể. Giáo viên đánh giá từng bước theo tiến trình logic của bài làm (học sinh); không chỉ chú trọng đến kết quả (đáp số) mà còn chú ý đến cách thức làm bài của học sinh.
- Trong đánh giá, nên khuyến khích khả năng sáng tạo, tính đột biến (entropy) trong làm bài của học sinh. Như thế nhà sư phạm sẽ phân loại (phân biệt – phân hoá) được trình độ của học sinh lớp mình.

b) Phân tích ví dụ minh họa

- Các môn học ở cấp Tiểu học (6 môn lớp 1, 2, 3 và 9 môn lớp 4, 5) đều phản ánh chuẩn đánh giá chung dưới góc độ lí luận dạy học (chuẩn vĩ mô). Tuy nhiên, mỗi môn học có đặc trưng riêng, mục đích khác nhau mà người học cần làm rõ nét trong việc đánh giá.
- Một điểm số tối đa (điểm 10) hoặc xếp loại A (hay A*) cho môn học này không thể mang áp đặt chuẩn đánh giá (chuẩn vĩ mô) của môn học đó vào môn học khác; mặc dù chúng đều có chuẩn chung (chuẩn vĩ mô).

Ví dụ:

Thang đánh giá cho môn Toán và Tiếng Việt là tiêu chuẩn 10 (điểm 10), song hệ thống tiêu chuẩn đánh giá cho môn Toán khác môn Tiếng Việt; thậm chí thang đánh giá cho các phân môn của Tiếng Việt như Luyện từ và câu, Tập đọc, Tập viết, Chính tả, Tập làm văn... đều khác nhau về tiêu chí.

Bài tập 3:

a) Tính rõ ràng của việc đánh giá

- Đánh giá cho điểm phải rõ ràng, chỉ người học mới hiểu được tại sao mình được điểm số như vậy và điểm số là phương tiện kích thích học sinh học tập tốt hơn.
- Đánh giá rõ ràng nên vừa bằng định lượng, vừa bằng định tính, có nghĩa là vừa cho điểm vừa nhận xét nhằm giải thích một cách thoả đáng những ưu điểm và hạn chế của lời giải, vạch ra con đường giúp cho người học phát huy hoặc khắc phục.

b) Ví dụ minh họa

Một sản phẩm bài làm của học sinh A có thể cho đánh giá bằng điểm tối đa (10 điểm – định lượng) nhưng vẫn kèm theo lời nhận xét có sự phê phán (định tính); trong khi, một sản phẩm bài làm khác nhau của học sinh B có thể không được điểm tối đa (ví dụ: điểm 9) nhưng vẫn có thể kèm theo một lời nhận xét tốt về cách thức giải quyết vấn đề. Như vậy, tính rõ ràng của việc đánh giá làm cho người học thoả mãn với việc được đánh giá.

Bài tập 4: Đánh dấu x vào câu (b) – Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan.

Hoạt động 2: Xác lập mối quan hệ giữa các nguyên tắc đánh giá

1. Thông tin

Mối quan hệ giữa các nguyên tắc đánh giá:

- Các nguyên tắc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh có mối quan hệ biện chứng với nhau.
- Đảm bảo tính khách quan là cơ sở nền tảng cho việc phát huy tính phân hoá cụ thể cho từng môn học và tính rõ ràng trong việc đánh giá.
- Tính khách quan thể hiện tính chính xác, công bằng trong đánh giá.
- Tính phân hoá thể hiện ở chỗ các môn học khác nhau với nội dung, đặc điểm khác nhau phải được đánh giá theo các cách khác nhau.
- Tính rõ ràng nhằm giúp cho người học hiểu rõ tại sao mình được điểm số như vậy.

Ở đây, nguyên tắc đảm bảo tính khách quan trong đánh giá đóng vai trò quan trọng nhất.

2. Nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận và trình bày mối quan hệ giữa 3 nguyên tắc.

3. Đánh giá hoạt động 2

Bài tập 1: Trình bày mối quan hệ qua lại giữa các nguyên tắc đánh giá tri thức học sinh, từ đó rút ra kết luận sự phạm cần thiết.

Bài tập 2:

Anh/chị điền các cụm từ phù hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau:

Nguyên tắc đánh giá tri thức học sinh bao gồm:(1).....;(2).....;(3)..... Trong đó, tính khách quan của việc đánh giá phải phản ánh(4)..... của việc nắm tri thức môn học đã đề ra trong chương trình, tính phân hoá của việc đánh giá thể hiện những mặt khác nhau trong kết quả học tập của học sinh phải được đánh giá theo(5).....; còn tính rõ ràng của việc đánh giá thể hiện học sinh phải biết rõ tại sao mình được đánh giá bằng điểm như thế, chỉ trong trường hợp ấy cho điểm mới là(6)..... học sinh học tập tốt hơn.

Bài tập 3: Hãy nối các cụm từ ở cột A với các cụm từ ở cột B sao cho phù hợp về mặt nội dung.

A	B
1) Tính khách quan của người dạy khi đánh giá	a) là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình đánh giá tri thức học sinh.
2) Những mặt khác nhau của kết quả học tập của học sinh	b) kích thích học sinh học tập tốt hơn.
3) Các nguyên tắc đánh giá	c) sẽ gây cho học sinh thái độ không đánh giá trong học tập.
4) Cho điểm là phương tiện	d) phải được đánh giá theo các cách khác nhau.

4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 2

Bài tập 1:

Mối quan hệ giữa các nguyên tắc đánh giá:

- Ba nguyên tắc đánh giá tri thức học sinh có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan đặt nền móng cho mối quan hệ này.
- Đảm bảo tính khách quan thể hiện người đánh giá (nhà sư phạm) có cái nhìn chính xác, công bằng đối với sản phẩm bài làm của các em. Đây là cơ sở nền tảng để việc đánh giá mang tính phân hoá và rõ ràng.
- Các môn học khác nhau phải được đánh giá khác nhau (tính phân hoá) và người học thoả mãn việc đánh giá của người dạy (tính rõ ràng) sẽ chứng minh tính khách quan của việc đánh giá.
- Tính khách quan của việc đánh giá đóng vai trò quan trọng nhất trong các nguyên tắc.

Bài tập 2: Các cụm từ điền vào chỗ trống: (1) tính khách quan; (2) tính phân hoá; (3) tính rõ ràng; (4) trình độ thật; (5) các cách khác nhau; (6) phương tiện kích thích.

Bài tập 3: Nối các cụm từ sau:

- | | |
|----------------|----------------|
| 1) nối với c). | 2) nối với d). |
| 3) nối với a). | 4) nối với b). |

Nội dung 3

CÁC CHỨC NĂNG CỦA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động 1: Tiếp cận các chức năng của đánh giá

1. Thông tin

1.1. Đánh giá mang chức năng dạy học

- Vấn đề đánh giá kết quả học tập của người học là xác định rõ mức độ nắm vững tri thức, các thao tác về kĩ năng và kĩ xảo.
- Các đơn vị tri thức là hệ thống lí thuyết bao gồm các khái niệm, định luật, công thức, tính chất, quy tắc, quy luật.
- Các thao tác, kĩ năng, kĩ xảo là hành động thực hành nhằm mục đích củng cố nội dung bài học.

1.2. Đánh giá mang chức năng phát triển

- Trên nền tảng người học nắm vững tri thức (bao gồm các đơn vị tri thức, kĩ năng, kĩ xảo), từ đó hình thành và phát triển hoạt động sáng tạo, khả năng phát triển trí tuệ cho học sinh.
- Chức năng phát triển của đánh giá thể hiện tính mềm dẻo của tư duy trong dạy học tiểu học.
- Tư duy sáng tạo là tư duy tích cực, mang tính phát triển về khả năng nhận thức.

1.3. Đánh giá mang chức năng giáo dục

- Đánh giá cho điểm mang ý nghĩa giáo dục đáng kể. Thông qua hình thức trình bày sản phẩm (bài làm) của người học, rèn cho các em tính cẩn thận, chính xác, hình thức trình bày sáng sủa, rõ ràng, lôgic.
- Đánh giá sản phẩm bài làm của người học tốt hay chưa tốt là biểu thị thái độ của người đánh giá. Như vậy, thông qua việc đánh giá sẽ tác động đến việc điều chỉnh ý thức và hành vi của người học.

2. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu tài liệu và sách tham khảo.

Nhiệm vụ 2: Thuyết trình cá nhân về việc ứng dụng các chức năng của đánh giá thông qua các môn học cụ thể ở bậc Tiểu học. Người dạy nhận xét, đánh giá.